

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

---

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5 - 6
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	7 - 53
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	7 - 10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	14-52
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	53

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được soát xét.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 18 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc thay đổi vốn điều lệ.

### TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại : 0211 873 568  
Email : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 53).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ- ĐHĐCĐ-NAG ngày 12 tháng 02 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 166.826.240.000 VND lên 333.652.460.000 VND (tương ứng với số cổ phần tăng thêm là 16.682.622 cổ phiếu)

Đến ngày 03 tháng 08 năm 2022 Công ty đã nhận được Công văn số 5090/UBCK-QLCB về việc Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Theo đó Số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa đã thực hiện phân phối 13.965.400 cổ phiếu đạt 83,71% số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 166.826.240.000 VND lên 306.480.240.000 VND. Đến thời điểm hiện tại Công ty đang hoàn thiện các thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch	
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên	
Ông Phạm Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022
Ông Đoàn Đức Hòa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Huệ Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022
Bà Vũ Hải Yến	Thành viên	
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 02 năm 2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc
Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Trần Bá Đạt	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

Số : 0807.01.02/2022/BCTC-NVT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 16 tháng 8 năm 2022 từ trang 07 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



---

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

GCNĐKHNTK số: 0053-2018-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.112.469.196.330</b>	<b>983.867.324.672</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.874.027.496</b>	<b>4.588.605.895</b>
1. Tiền	111		3.874.027.496	4.588.605.895
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>71.435.883.070</b>	<b>68.194.369.728</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		71.435.883.070	68.194.369.728
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>562.526.435.498</b>	<b>378.595.797.744</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	483.615.615.299	344.628.332.253
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.510.808.649	28.099.940.348
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	30.300.000.000	3.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	15.129.485.297	6.196.998.890
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.029.473.747)	(4.029.473.747)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>455.043.775.074</b>	<b>512.968.417.419</b>
1. Hàng tồn kho	141		460.018.158.113	520.756.446.891
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.974.383.039)	(7.788.029.472)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.589.075.192</b>	<b>19.520.133.886</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	14.159.517.520	3.692.172.545
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.429.557.672	15.827.961.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>127.822.823.779</b>	<b>130.693.950.378</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.336.190.820</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.336.190.820	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.920.571.279</b>	<b>15.491.163.204</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	13.545.884.726	14.998.486.014
<i>Nguyên giá</i>	222		101.370.486.778	101.278.563.778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(87.824.602.052)	(86.280.077.764)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	374.686.553	492.677.190
<i>Nguyên giá</i>	228		1.353.212.600	1.326.562.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(978.526.047)	(833.885.410)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>551.780.000</b>	<b>740.355.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	551.780.000	740.355.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>111.901.321.112</b>	<b>112.943.197.660</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		84.046.955.000	84.046.955.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.145.633.888)	(8.103.757.340)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25.000.000.000	25.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>112.960.568</b>	<b>1.019.234.514</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	112.960.568	1.019.234.514
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.240.292.020.109</b>	<b>1.114.561.275.050</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.001.049.600.363</b>	<b>888.713.859.166</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.001.049.600.363</b>	<b>888.713.859.166</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	265.428.629.985	106.087.921.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	12.312.751.869	23.211.362.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	10.675.437.119	10.996.997.109
4. Phải trả người lao động	314		2.068.916.102	3.197.945.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6.629.637.723	11.887.756.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.263.053.378	1.437.591.320
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	698.417.419.552	724.841.584.178
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	3.393.671.992	6.501.431.066
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	860.082.643	551.270.107
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>239.242.419.746</b>	<b>225.847.415.884</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>239.242.419.746</b>	<b>225.847.415.884</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.826.240.000	166.826.240.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.826.240.000	166.826.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.113.479.352	6.341.448.011
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.630.610.394	47.007.637.873
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		45.926.793.996	19.597.305.130
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.703.816.398	27.410.332.743
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.240.292.020.109</b>	<b>1.114.561.275.050</b>

Người lập biểu



Nguyễn Đức Trung

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	969.287.946.184	782.122.948.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.997.428.271	70.789.642.566
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		966.290.517.913	711.333.306.190
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	889.458.987.210	637.201.840.737
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.831.530.703	74.131.465.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.837.416.460	4.366.801.983
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	22.568.753.191	15.155.634.799
Trong đó: chi phí lãi vay	23		21.418.068.951	15.840.672.899
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	33.607.452.821	35.744.678.938
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.772.183.980	7.359.165.783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.720.557.171	20.238.787.916
11. Thu nhập khác	31	VI.7	138.868.610	18.408.929
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.288.296.228	305.274.489
13. Lợi nhuận khác	40		(1.149.427.618)	(286.865.560)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.571.129.553	19.951.922.356
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.867.313.155	4.164.637.737
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.703.816.398	15.787.284.619
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Đức Trung

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.571.129.553	19.951.922.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.689.164.925	1.697.775.954
- Các khoản dự phòng	03		(4.879.528.959)	1.004.291.766
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(162.606.414)	(221.539.442)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.031.403.388)	(3.878.513.236)
- Chi phí lãi vay	06		21.418.068.951	15.840.672.899
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.604.824.668	34.394.610.297
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(147.551.701.280)	(154.779.636.794)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		60.738.288.778	(88.549.867.804)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		142.956.542.294	64.654.029.237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.974.496.029)	(175.107.721)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(21.755.827.888)	(15.608.764.458)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.764.637.737)	(2.114.304.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	17.480.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(8.725.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>53.252.992.806</b>	<b>(144.707.766.800)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(525.765.300)	(78.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.900.000.000)	(43.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.700.000.000	27.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(56.699.955.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.182.358.721	2.351.383.884
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(27.543.406.579)</b>	<b>(69.876.871.116)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		707.702.509.662	743.186.750.169
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(734.126.674.288)	(528.993.912.774)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.424.164.626)</b>	<b>214.192.837.395</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(714.578.399)</b>	<b>(391.800.521)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.588.605.895</b>	<b>2.107.127.773</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	133.055
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.874.027.496</b>	<b>1.715.460.307</b>

Người lập biểu

Nguyễn Đức Trung

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công ty có 138 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 108 nhân viên).

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Chưa đi vào hoạt động, đang đầu tư xây dựng	96,92%	96,92%

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Các Công ty liên doanh liên kết:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giá trị CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%

#### *Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.050 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 23.490 VND/USD.

#### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

##### *Công ty con*

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

##### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### *Chi phí trả trước khác*

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

#### **Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa**

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bằng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

#### **Dự phòng bảo hành công trình xây dựng**

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bằng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 22. Công cụ tài chính

#### *a) Tài sản tài chính*

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *c) Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo theo bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.169.030.919	454.492.788
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.704.996.577	4.134.113.107
<b>Cộng</b>	<b><u>3.874.027.496</u></b>	<b><u>4.588.605.895</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	71.435.883.070	71.435.883.070	68.194.369.728	68.194.369.728
<b>Cộng</b>	<b>71.435.883.070</b>	<b>71.435.883.070</b>	<b>68.194.369.728</b>	<b>68.194.369.728</b>

(\*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng:

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 17.139.369.728 VND.

+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm: 12.849.217.452 VND.

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 17.600.000.000 VND.

+ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ: 7.300.000.000 VND.

+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hà Nội: 16.547.295.890 VND.

Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng trên. (Xem thuyết minh V.18)

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>84.046.955.000</b>	<b>(9.145.633.888)</b>	<b>74.901.321.112</b>	<b>84.046.955.000</b>	<b>(8.103.757.340)</b>	<b>75.943.197.660</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa (1)	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng (2)</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>(1.749.854.126)</b>	<b>850.145.874</b>	<b>2.600.000.000</b>	<b>(1.475.849.445)</b>	<b>1.124.150.555</b>
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh (3)	4.947.000.000	(4.947.000.000)	-	4.947.000.000	(4.947.000.000)	-
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa (4)	10.200.000.000	-	10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên (5)	56.699.955.000	(2.448.779.762)	54.251.175.238	56.699.955.000	(1.680.907.895)	55.019.047.105
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (6)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (7)	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>121.046.955.000</b>	<b>(9.145.633.888)</b>	<b>111.901.321.112</b>	<b>121.046.955.000</b>	<b>(8.103.757.340)</b>	<b>112.943.197.660</b>

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 2500386108 ngày 24 tháng 05 năm 2018, vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp vốn 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 số 0401789381 ngày 16 tháng 05 năm 2018 với vốn điều lệ là

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

5.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 2.600.000.000 VND, tương đương 52% vốn điều lệ.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số 0314005672 lần thứ 4 với vốn điều lệ là 9.700.000.000. Đến nay đơn vị đã góp 4.947.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 số 0107952812 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã góp số tiền 10.200.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên, theo các hợp đồng mua cổ phần sau:

+ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Việt Phúc về việc chuyển nhượng 600.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 23,077% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 13.500.045.000 VND.

+ Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Bà Nguyễn Thị Lan Hương về việc chuyển nhượng 1.920.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 73,846% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 43.199.910.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 2 số 0900251422 với vốn điều lệ là 26.000.000.000 VND. Đến nay Công ty đã mua 2.520.000 cổ phần, tương ứng với 25.200.000.000 VND vốn điều lệ, tương đương 96,92% vốn điều lệ.

(6) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương ứng 1.200.000 cổ phần, giá trị cổ phần 12.000.000.000 VND. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết trong tháng 7 năm 2016.

(7) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG1828T2/01-1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày 29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 1.500 với giá trị là 15.000.000.000 VND và giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG1727T2/02-2645 với giá trị 10.000.000.000 VND, ngày phát hành là 14/12/2017 đến ngày 14/12/2027. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	(8.103.757.340)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.041.876.548)
Hoàn nhập dự phòng	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(9.145.633.888)</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>355.495.945.130</i></b>	<b><i>232.638.339.731</i></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	46.092.284.785	119.505.848.566
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	37.690.116.637	19.421.736.723
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	27.161.667.165	22.917.148.178
Công ty Cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh	70.249.719.263	60.869.285.264
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	174.302.157.280	9.924.321.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác (*)</i></b>	<b><i>128.119.670.169</i></b>	<b><i>111.989.992.522</i></b>
Công ty Cổ phần đầu tư MK Việt Nam	11.918.601.362	8.884.639.228
Công ty Cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	1.839.450.000	1.826.250.000
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	3.804.460.000	-
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	3.313.145.000	110.440.000
Công ty TNHH TM và XNK An Thịnh Phát	2.235.447.500	2.235.447.500
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội	4.400.328.000	3.928.048.000
Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Chương Mỹ	1.639.110.000	2.259.334.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Phương Lan	10.625.186.000	-
BQL dự án đầu tư XD công trình văn hóa - Xã hội TP. Hà Nội	2.683.962.000	1.104.982.000
Công ty Cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	8.405.290.057	4.795.065.240
Công ty Cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	5.892.541.088	6.559.575.569
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại A2T	6.652.703.871	-
Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ kỹ thuật Đức Thịnh	5.044.500.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	12.155.028.652	14.854.038.652
Các khách hàng khác	47.509.916.639	65.432.172.333
<b>Cộng</b>	<b><u>483.615.615.299</u></b>	<b><u>344.628.332.253</u></b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>	<b><i>-</i></b>	<b><i>4.000.000.000</i></b>
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	-	4.000.000.000
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b><i>37.510.808.649</i></b>	<b><i>24.099.940.348</i></b>
HIGH ACE INDUSTRIES SDN.BHD	10.386.563.644	2.107.052.583
Zhongshan Sukio Electric Appliance Co., LTD	4.302.011.728	-
Công ty Cổ phần xây dựng cơ điện lạnh Việt Nam	4.012.670.337	4.012.670.337
Các nhà cung cấp khác	18.809.562.940	17.980.217.428
<b>Cộng</b>	<b><u>37.510.808.649</u></b>	<b><u>28.099.940.348</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>20.500.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	20.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	-	3.700.000.000
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>9.800.000.000</b>	<b>-</b>
Ông Bùi Văn Việt vay với lãi suất 6,5%/năm	9.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.300.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>

**6. Phải thu khác****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>13.024.528.227</b>	<b>-</b>	<b>4.097.913.452</b>	<b>-</b>
Phải thu lãi chậm thanh toán				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	1.275.922.751	-	411.239.929	-
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa	1.119.456.237	-	776.077.410	-
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	613.684.413	-	850.437.559	-
Công ty Cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh	2.063.080.826	-	2.060.158.554	-
Công ty Cổ phần điện tử Nagakawa - Phải thu lãi vay	52.384.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên - Phải thu tiền chi hộ	7.900.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.104.957.070</b>	<b>-</b>	<b>2.099.085.438</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	47.857.061	-	123.021.761	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	50.569.000	-
Ký cược, ký quỹ	194.455.716	-	217.997.709	-
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng	1.662.978.293	-	1.707.496.968	-
Phải thu lãi vay cá nhân	199.666.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.129.485.297</b>	<b>-</b>	<b>6.196.998.890</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	1.336.190.820	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.336.190.820</b>	<b>-</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<b>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</b>	<b>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm	(4.029.473.747)	-	(4.029.473.747)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(4.029.473.747)</b>	<b>-</b>	<b>(4.029.473.747)</b>

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.***8. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng (*)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	414.792.832	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.810.214.106	-	54.787.855.478	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	57.731.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	432.081.781	-	326.234.649	-
Thành phẩm	8.732.541.108	-	8.836.636.992	-
Hàng hóa	365.641.874.998	(4.974.383.039)	454.057.705.763	(7.788.029.472)
Hàng gửi đi bán	3.401.446.120	-	2.275.489.359	-
<b>Cộng</b>	<b>460.018.158.113</b>	<b>(4.974.383.039)</b>	<b>520.756.446.891</b>	<b>(7.788.029.472)</b>

*(\*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.*

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Kỳ này</b>
Số đầu năm	(7.788.029.472)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	2.813.646.433
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(4.974.383.039)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Chi phí trả trước

##### a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	285.435.767	-
Biển hiệu quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	2.187.182.616	1.316.663.837
Chi phí CCDC xuất dùng	681.347.933	1.434.812.384
Chi phí thử nghiệm	352.533.531	89.365.051
Chi phí bảo hiểm tài sản	30.120.233	160.405.157
Chứng nhận sản phẩm hợp quy +QCVN	120.899.472	56.400.984
Chi phí bảo trì phần mềm, thuế, hải quan	574.520.853	299.983.334
Chi phí lễ kỷ niệm thành lập	4.986.238.685	-
Chi phí quảng cáo	4.686.235.909	-
Chi phí trả trước khác	255.002.521	334.541.798
<b>Cộng</b>	<b><u>14.159.517.520</u></b>	<b><u>3.692.172.545</u></b>

##### b) Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	77.937.743	239.701.448
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy, văn phòng	-	68.526.600
Biển hiệu quảng cáo	-	568.467.742
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, PM khai báo hải quan	-	9.859.335
Hệ thống làm mát nhà xưởng	-	89.268.462
Chi phí trả trước khác	35.022.825	43.410.927
<b>Cộng</b>	<b><u>112.960.568</u></b>	<b><u>1.019.234.514</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.099.032.329	60.670.113.126	11.683.951.512	398.713.735	426.753.076	101.278.563.778
Mua trong kỳ	-	-	-	-	91.923.000	91.923.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.099.032.329</b>	<b>60.670.113.126</b>	<b>11.683.951.512</b>	<b>398.713.735</b>	<b>518.676.076</b>	<b>101.370.486.778</b>

*Trong đó:*

Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

	6.579.842.240	60.003.262.562	1.676.745.181	156.607.280	426.753.076	68.843.210.339
--	---------------	----------------	---------------	-------------	-------------	----------------

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	20.243.793.953	60.035.017.350	5.246.852.846	327.660.539	426.753.076	86.280.077.764
Khấu hao trong kỳ	599.217.864	47.632.182	865.803.344	24.210.648	7.660.250	1.544.524.288
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.843.011.817</b>	<b>60.082.649.532</b>	<b>6.112.656.190</b>	<b>351.871.187</b>	<b>434.413.326</b>	<b>87.824.602.052</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	7.855.238.376	635.095.776	6.437.098.666	71.053.196	-	14.998.486.014
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.256.020.512</b>	<b>587.463.594</b>	<b>5.571.295.322</b>	<b>46.842.548</b>	<b>84.262.750</b>	<b>13.545.884.726</b>

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 27.856.990.491 VND và 7.256.020.512 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 1.649.927.988 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 2.535.004.311 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa .

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.326.562.600	833.885.410	492.677.190
Tăng trong năm	26.650.000	144.640.637	(117.990.637)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.353.212.600</b>	<b>978.526.047</b>	<b>374.686.553</b>

Phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	740.355.000	398.000.000	(586.575.000)	551.780.000
<i>Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu</i>	740.355.000	-	(586.575.000)	153.780.000
<i>Xây dựng website trang chủ của công ty</i>	-	107.500.000	-	107.500.000
<i>Xây dựng phần mềm bảo hành trên di động</i>	-	290.500.000	-	290.500.000
<b>Cộng</b>	<b>740.355.000</b>	<b>398.000.000</b>	<b>(586.575.000)</b>	<b>551.780.000</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>6.786.989.270</b>	<b>11.684.340.370</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	2.102.648.900	-
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	4.684.340.370	11.684.340.370
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>258.641.640.715</b>	<b>94.403.581.024</b>
HISENSE INTERNATIONAL CO., LTD	23.669.698.500	-
PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD	45.350.906.017	4.139.094.342
Công ty Cổ Phần AKATA Việt Nam	6.646.207.315	3.247.391.840
Công ty Cổ phần Tramexco	9.471.109.925	8.914.934.635
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Tiến Mạnh	10.468.567.120	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	48.619.831.545	1.406.349.863
Công ty TNHH Điện máy Nhân Việt	10.003.762.340	-
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	65.374.824.632	-
Các nhà cung cấp khác	39.036.733.321	76.695.810.344
<b>Cộng</b>	<b>265.428.629.985</b>	<b>106.087.921.394</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>1.382.464.233</b>	<b>13.490.815.799</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.382.464.233	1.544.615.013
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	11.946.200.786
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>10.930.287.636</b>	<b>9.720.546.601</b>
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Cao Bằng	1.811.078.745	1.811.078.745
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng	2.343.858.000	2.268.681.000
BQL Dự án kế hoạch quản lý lại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II	2.139.369.728	2.139.369.728
Các khách hàng khác	4.635.981.163	3.501.417.128
<b>Cộng</b>	<b><u>12.312.751.869</u></b>	<b><u>23.211.362.400</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	55.183.140	449.043.769	(426.525.637)	77.701.272
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.020.132.347	(24.020.132.347)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.756.995.653	16.222.017.901	(15.831.327.887)	4.147.685.667
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.001.770.780	(5.001.770.780)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.462.564.142	3.867.313.155	(4.764.637.737)	5.565.239.560
Thuế thu nhập cá nhân	148.962.735	815.730.035	(624.242.920)	340.449.850
Tiền thuê đất	193.935.125	277.050.186	(413.835.750)	57.149.561
Các loại thuế khác	379.356.314	1.309.415.900	(1.201.561.005)	487.211.209
<b>Cộng</b>	<b><u>10.996.997.109</u></b>	<b><u>51.962.474.073</u></b>	<b><u>(52.284.034.063)</u></b>	<b><u>10.675.437.119</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.368.712.603	1.521.488.760
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	4.840.452.120	9.545.794.832
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	420.473.000	820.473.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.629.637.723</u></b>	<b><u>11.887.756.592</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>436.878.587</b>	<b>621.861.367</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	436.878.587	621.861.367
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>826.174.791</b>	<b>815.729.953</b>
Kinh phí công đoàn	471.084.251	389.604.713
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	355.090.540	355.090.540
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	71.034.700
<b>Cộng</b>	<b>1.263.053.378</b>	<b>1.437.591.320</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>8.071.000.000</b>	<b>8.071.000.000</b>	<b>11.571.000.000</b>	<b>11.571.000.000</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (6)	8.071.000.000	8.071.000.000	11.571.000.000	11.571.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>690.346.419.552</b>	<b>690.346.419.552</b>	<b>713.270.584.178</b>	<b>713.270.584.178</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	232.510.790.800	232.510.790.800	217.829.889.179	217.829.889.179
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	30.058.891.241	30.058.891.241	49.896.656.597	49.896.656.597
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	348.513.390.541	348.513.390.541	350.612.021.844	350.612.021.844
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)	28.829.691.185	28.829.691.185	39.946.898.899	39.946.898.899
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	50.433.655.785	50.433.655.785	54.985.117.659	54.985.117.659
<b>Cộng</b>	<b>698.417.419.552</b>	<b>698.417.419.552</b>	<b>724.841.584.178</b>	<b>724.841.584.178</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2021/HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 30 tháng 12 năm 2021 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 230.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tới ngày 31 tháng 12 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, số vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, sổ vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36924/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương số 320/2020/36915/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 10 tháng 07 năm 2018.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 và CTG1727T2/02 với tổng giá trị Trái phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 31 tháng 03 năm 2021.

+ Xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAGHN ký ngày 14 tháng 08 năm 2019.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 12000.22.051.879737.TD ngày 31 tháng 03 năm 2022 với giá trị hạn mức tín dụng 1 là 50 tỷ: hạn mức cho vay 25 tỷ, hạn mức bảo lãnh thanh toán 10 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 25 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 25 tỷ, hạn mức cho vay các phương án có đối tác là Công ty TNHH phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ là 7,5 tỷ; giá trị hạn mức tín dụng 2 là 100 tỷ : hạn mức cho vay 50 tỷ, hạn mức bảo lãnh thanh toán 20 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C 50 tỷ, hạn mức cho vay các phương án có đối tác là Công ty TNHH phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ là 15 tỷ; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15 tháng 03 năm 2023 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 7 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Hợp đồng cầm cố số 44520.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 2.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 4519.21.051.879737.BD ngày 11 tháng 08 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Hợp đồng cầm cố số 55655.21.051.879737.BĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 số tiền 300.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Điện Biên Phủ.

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/367653/HĐTD ngày 26 tháng 05 năm 2021, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 500 tỷ đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2020/367653/HĐTD ngày 12 tháng 06 năm 2021. Theo phụ lục hợp đồng số 01/2022/367653/SĐBS, thời hạn cấp hạn mức là từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 26/08/2022 hoặc cho đến khi có phê duyệt giới hạn tín dụng năm 2022-2023 đối với khách hàng, tùy thời điểm nào đến trước, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi kế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả.

+ Thẻ chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/HĐTĐ.211.367653 ngày 12/3/2021, số tiền 6.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 12/3/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/HĐTĐ.211.367653 ngày 17/3/2021, số tiền 8.500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2021/367653/HĐBĐ ngày 17/3/2021.

(4) Là khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng số 31/2021/HĐTĐ/TTKD.TKC/01 ngày 16 tháng 09 năm 2021 với hạn mức tín dụng không vượt quá 40.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng không vượt quá ngày 31 tháng 07 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 44/2021/HĐBĐ/TTKD.TKC/01 ngày 08 tháng 10 năm 2021 số tiền 2.500.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 31/2021/HĐBĐ/TTKD.TKC/03 ngày 15 tháng 10 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 31/2021/HĐBĐ/TTKD.TKC/04 ngày 22 tháng 10 năm 2021 số tiền 5.255.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 01/2021/CTD/VCBHN-NGKW ngày 14 tháng 07 năm 2021 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 55.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng không vượt quá ngày 31 tháng 07 năm 2022. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 01/2021/CCTG/VCBHN- NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 03/2021/CCTG/VBHN-NAKW ngày 03 tháng 08 năm 2021 số tiền 6.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 02/2021/ CCTG/VCBHN- NGKW ngày tháng năm 2021 số tiền 5.000.000.000 VNĐ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

+ Thẻ chấp hàng hóa và các khoản phải thu có giá trị thẻ chấp là 20.000.000.000 VNĐ theo hợp đồng số 01/2021/HĐTCHHKPT/NGKW ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- chi nhánh Hà Nội.

(6) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo các hợp đồng vay tiền. Số tiền cho vay là 11.571.000.000 VNĐ. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>713.270.584.178</b>	<b>701.202.509.662</b>	<b>(724.126.674.288)</b>	<b>690.346.419.552</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	217.829.889.179	234.517.440.783	(219.836.539.162)	232.510.790.800
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	49.896.656.597	30.038.373.035	(49.876.138.391)	30.058.891.241
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	350.612.021.844	348.566.595.802	(350.665.227.105)	348.513.390.541
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4)	39.946.898.899	28.801.606.253	(39.918.813.967)	28.829.691.185
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	54.985.117.659	59.278.493.789	(63.829.955.663)	50.433.655.785
<b>Vay ngắn hạn các tổ chức bên liên quan</b>	<b>11.571.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>(10.000.000.000)</b>	<b>8.071.000.000</b>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (6)	11.571.000.000	6.500.000.000	(10.000.000.000)	8.071.000.000
<b>Vay ngắn hạn các cá nhân khác</b>	<b>-</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>(2.500.000.000)</b>	<b>-</b>
Vay Bà Nguyễn Thị Hương	-	2.500.000.000	(2.500.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>724.841.584.178</b>	<b>710.202.509.662</b>	<b>(736.626.674.288)</b>	<b>698.417.419.552</b>

**19. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	6.237.894.157	-	(1.006.979.976)	(1.837.242.189)	3.393.671.992
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	263.536.909	-	-	(263.536.909)	-
<b>Cộng</b>	<b>6.501.431.066</b>	<b>-</b>	<b>(1.006.979.976)</b>	<b>(2.100.779.098)</b>	<b>3.393.671.992</b>

**20. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	311.793.497	154.406.268	-	466.199.765
Quỹ phúc lợi	239.476.610	154.406.268	-	393.882.878
<b>Cộng</b>	<b>551.270.107</b>	<b>308.812.536</b>	<b>-</b>	<b>860.082.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	
Số dư đầu năm nay	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.915.984.116	28.132.834.583	198.607.268.699
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	7.939.880.000	-	-	-	(7.939.880.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	27.410.332.743	27.410.332.743
Trích lập các quỹ	-	-	425.463.895	-	(595.649.453)	(170.185.558)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>166.826.240.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>6.341.448.011</b>	<b>47.007.637.873</b>	<b>225.847.415.884</b>
Số dư đầu năm nay	166.826.240.000	5.672.110.000	(20.000)	6.341.448.011	47.007.637.873	225.847.415.884
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	13.703.816.398	13.703.816.398
Trích lập các quỹ	-	-	772.031.341	-	(1.080.843.877)	(308.812.536)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>166.826.240.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>7.113.479.352</b>	<b>59.630.610.394</b>	<b>239.242.419.746</b>

**b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-NAG ngày 12 tháng 02 năm 2022 như sau:

• Chia cổ tức bằng cổ phiếu 6% vốn điều lệ	VND
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 10.009.570.000
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 772.031.341
	: 308.812.536

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ	Giá trị	Tỷ lệ nắm giữ
Ông Nguyễn Đức Khả	57.837.780.000	34,67%	57.837.780.000	34,67%
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	31.152.400.000	18,67%	31.152.400.000	18,67%
Bà La Mỹ Phương	2.562.000.000	1,54%	11.172.310.000	6,70%
Cổ phiếu quỹ	20.000	0,00%	20.000	0,00%
Các cổ đông khác	75.274.040.000	45,12%	66.663.730.000	39,96%
<b>Cộng</b>	<b>166.826.240.000</b>	<b>100%</b>	<b>166.826.240.000</b>	<b>100%</b>

**d) Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.682.624	16.682.624
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.682.624	16.682.624
- Cổ phiếu phổ thông	16.682.624	16.682.624
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.682.622	16.682.622
- Cổ phiếu phổ thông	16.682.622	16.682.622

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ****a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	290,24	290,24

**b, Nợ khó đòi đã xử lý  
Đối tượng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>1.116.279.409</b>	<b>1.116.279.409</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	969.287.946.184	782.122.948.756
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	965.305.397.553	778.376.078.485
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	3.982.548.631	3.746.870.271
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(2.997.428.271)	(70.789.642.566)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.774.602.081)	(68.481.481.631)
<i>Giảm giá hàng bán</i>		(727.642.752)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>966.290.517.913</b>	<b>711.333.306.190</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	962.307.969.282	707.586.435.919
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	3.982.548.631	3.746.870.271

**b, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<del>Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ</del>	<del>301.703.670.060</del>	<del>213.788.356.670</del>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ Thuật Nagakawa	238.065.052.876	11.208.089.551
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	3.532.937.072	3.281.256.442
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	34.715.790.987	40.006.479.425
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	38.987.646.000	31.025.248.900
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	94.225.480.158	62.565.955.250
<b>Cộng</b>	<b>711.230.577.153</b>	<b>361.875.386.238</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	891.642.761.912	635.101.785.906
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	893.408.640	851.298.855
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.813.646.433)	1.248.755.976
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng bảo hành công trình	(263.536.909)	-
<b>Cộng</b>	<b>889.458.987.210</b>	<b>637.201.840.737</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.369.421.881	783.070.186
Lãi tiền cho vay	252.050.000	2.415.078.080
Lãi chậm thanh toán	5.072.144.227	-
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	409.931.507	683.649.315
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	571.262.431	263.464.960
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	162.606.414	221.539.442
<b>Cộng</b>	<b>8.837.416.460</b>	<b>4.366.801.983</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.418.068.951	15.840.672.899
Chiết khấu thanh toán	11.134.680	955.594.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	97.673.012	253.125.507
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	1.041.876.548	(1.893.757.741)
<b>Cộng</b>	<b>22.568.753.191</b>	<b>15.155.634.799</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.976.469.052	8.772.849.000
Chi phí vật liệu, bao bì	133.978.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	659.173.023	122.093.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.791.931	932.695.637
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	272.842.986	3.553.884.437
Chi phí quảng cáo	2.411.561.175	11.502.567.886
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.837.242.189)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.945.310.112	8.690.213.361
Các chi phí khác	2.062.568.731	2.170.374.784
<b>Cộng</b>	<b>33.607.452.821</b>	<b>35.744.678.938</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.386.994.840	3.833.492.963
Chi phí vật liệu quản lý	-	32.494.236
Chi phí đồ dùng văn phòng	345.087.585	395.072.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.155.130	119.887.546
Thuế, phí và lệ phí	6.567.144	18.720.601
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.349.697.126	601.760.311
Các chi phí khác	1.576.682.155	2.357.737.948
<b>Cộng</b>	<b>10.772.183.980</b>	<b>7.359.165.783</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	131.216.340	-
Thu nhập khác	7.652.270	18.408.929
<b>Cộng</b>	<b>138.868.610</b>	<b>18.408.929</b>

**8. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗi thanh lý tài sản cố định	-	3.284.345
Các khoản truy thu phạt, chậm nộp thuế, BHXH	1.288.275.310	301.858.013
Chi phí khác	20.918	132.131
<b>Cộng</b>	<b>1.288.296.228</b>	<b>305.274.489</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.571.129.553	19.951.922.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.765.436.219	871.266.328
<i>Tiền phạt truy thu thuế, chậm nộp thuế, BHXH</i>	<i>1.288.275.310</i>	<i>301.858.013</i>
<i>Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	<i>285.000.000</i>	<i>377.247.405</i>
<i>Loại trừ khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ</i>	<i>192.160.909</i>	<i>192.160.910</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>19.336.565.772</b>	<b>20.823.188.684</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.867.313.155</b>	<b>4.164.637.737</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.867.313.155</b>	<b>4.164.637.737</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 11. Chi phí theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	2.180.350.370	1.570.480.215
Chi phí nhân công	17.469.311.024	12.627.412.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.689.164.925	1.697.775.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.706.568.413	21.797.940.188
Chi phí trạm bảo hành	272.842.986	3.553.884.437
Chi phí bằng tiền khác	1.787.399.141	4.739.188.451
<b>Cộng</b>	<b>46.105.636.859</b>	<b>45.986.681.308</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi nhập gốc	641.513.342	-

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### *A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Trong kỳ đơn vị không phát sinh giao dịch với bên liên quan là các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương		
Ông Nguyễn Đức Khả	129.292.000	315.948.000
Bà Huy Thị Dung	302.110.038	350.202.000
Bà Đào Thị Soi	-	86.691.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	400.556.000	534.934.000
Ông Trần Bá Đạt	281.356.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.113.314.038</b>	<b>1.287.775.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông lớn. Bà Đào Thị Soi là Phó TGĐ tại công ty Anh Vũ
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Nagakawa	Công ty con
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa - Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng	331.874.037.066	235.167.192.337
+ Giá trị chưa thuế	301.703.670.060	213.788.356.670
+ Thuế GTGT đầu ra	30.170.367.006	21.378.835.667
Trả tiền hàng	7.000.000.000	3.000.000.000
Thu tiền bán hàng	155.550.000.000	209.700.000.000
Nhận chiết khấu thương mại	-	983.324.558
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	261.770.758.164	12.228.098.508
+ Giá trị chưa thuế	237.973.416.514	11.116.453.189
+ Thuế GTGT đầu ra	23.797.341.650	1.111.645.319
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	99.272.725	100.800.000
+ Giá trị chưa thuế	91.636.362	91.636.362
+ Thuế GTGT đầu ra	7.636.363	9.163.638
Thu tiền bán hàng	329.575.535.409	8.485.000.000
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	7.870.322.826	-
+ Giá trị chưa thuế	7.154.838.933	-
+ Thuế GTGT đầu vào	715.483.893	-
Phải thu lãi cho vay	-	389.546.909
Bù trừ công nợ phải thu - phải trả	5.767.673.926	-
Bù trừ công nợ phải thu 3 bên	59.614.665	-
Phải thu tiền chậm thanh toán	1.275.922.751	-
Thu tiền chậm thanh toán	411.239.929	-
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng	162.150.780	141.382.087
+ Giá trị chưa thuế	147.409.800	128.529.170
+ Thuế GTGT đầu ra	14.740.980	12.852.917
Phải thu tiền cho thuê kho, thuê xe	3.690.224.727	3.468.000.000
+ Giá trị chưa thuế	3.385.527.272	3.152.727.272



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
+ Thuế GTGT đầu ra	304.697.455	315.272.728
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.690.224.727	2.218.000.000
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	6.500.000.000	14.500.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	10.000.000.000	12.300.000.000
Lãi vay phải trả	315.017.220	279.013.974
Trả tiền lãi vay	500.000.000	267.603.289
<b>Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	38.187.370.087	44.165.967.368
+ Giá trị chưa thuế	34.715.790.987	40.150.879.425
+ Thuế GTGT đầu ra	3.471.579.100	4.015.087.943
Hàng bán trả lại	-	158.840.000
+ Giá trị chưa thuế	-	144.400.000
+ Thuế GTGT đầu ra	-	14.440.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.942.851.100	26.975.000.000
Phải thu tiền chậm thanh toán	613.684.413	-
Thu tiền chậm thanh toán	850.437.559	-
<b>Công ty cổ phần Nagakawa Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	103.648.028.175	68.921.798.220
+ Giá trị chưa thuế	94.225.480.158	62.656.180.200
+ Thuế GTGT đầu ra	9.422.548.017	6.265.618.020
Hàng bán bị trả lại	1.237.205.446	99.247.445
+ Giá trị chưa thuế	1.124.732.224	90.224.950
+ Thuế GTGT đầu ra	112.473.222	9.022.495
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.022.551.446	31.626.000.000
Phải trả tiền cung cấp nhân sự bán hàng	437.289.374	586.739.386
+ Giá trị chưa thuế	403.771.071	533.399.442
+ Thuế GTGT đầu vào	33.518.303	53.339.944
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	75.017.292	3.320.671.208
+ Giá trị chưa thuế	68.197.538	3.018.792.007
+ Thuế GTGT đầu vào	6.819.754	301.879.201
Bù trừ công nợ	512.306.666	3.837.868.044
Phải thu tiền lãi vay	-	1.319.985.654
Phải trả chiết khấu thương mại	-	3.128.297.763
Bù trừ công nợ ba bên	2.495.530.618	-
Phải thu tiền chậm thanh toán	2.063.080.826	-
Thu tiền chậm thanh toán	2.060.158.554	-
<b>Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	42.877.910.600	33.566.773.790
+ Giá trị chưa thuế	38.987.646.000	30.515.248.900
+ Thuế GTGT đầu ra	3.890.264.600	3.051.524.890
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.555.000.000	26.350.000.000
Bù trừ công nợ	1.054.530.686	1.509.087.124
Phải thu về thuê kho	-	561.000.000
+ Giá trị chưa thuế	-	510.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
+ Thuế GTGT đầu ra	-	51.000.000
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	1.054.530.686	1.509.087.124
+ Giá trị chưa thuế	958.664.260	1.371.897.386
+ Thuế GTGT đầu vào	95.866.426	137.189.738
Phải thu về lãi cho vay	52.384.000	705.545.517
Phải thu tiền chậm thanh toán	1.119.456.237	-
Thu tiền chậm thanh toán	776.077.410	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.5; V.6; V.13; V.14; V.17; V.18.

## 2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	698.417.419.552	-	-	698.417.419.552
Phải trả người bán	265.428.629.985	-	-	265.428.629.985
Các khoản phải trả khác	13.355.279.195	-	-	13.355.279.195
<b>Cộng</b>	<b>977.201.328.732</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>977.201.328.732</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	724.841.584.178	-	-	724.841.584.178
Phải trả người bán	106.087.921.394	-	-	106.087.921.394
Các khoản phải trả khác	23.024.723.978	-	-	23.024.723.978
<b>Cộng</b>	<b>853.954.229.550</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>853.954.229.550</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **C, Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.874.027.496	4.588.605.895	3.874.027.496	4.588.605.895
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	96.435.883.070	93.194.369.728	96.435.883.070	93.194.369.728
Phải thu khách hàng	482.235.448.976	342.310.600.551	482.235.448.976	342.310.600.551
Các khoản cho vay	30.300.000.000	3.700.000.000	30.300.000.000	3.700.000.000
Các khoản phải thu khác	16.465.676.117	6.696.998.890	16.465.676.117	6.696.998.890
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	86.901.321.112	87.943.197.660	86.901.321.112	87.943.197.660
<b>Cộng</b>	<b>716.212.356.771</b>	<b>538.433.772.724</b>	<b>716.212.356.771</b>	<b>538.433.772.724</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	698.417.419.552	724.841.584.178	698.417.419.552	724.841.584.178
Phải trả người bán	265.428.629.985	106.087.921.394	265.428.629.985	106.087.921.394
Các khoản phải trả khác	13.355.279.195	23.024.723.978	13.355.279.195	23.024.723.978
<b>Cộng</b>	<b>977.201.328.732</b>	<b>853.954.229.550</b>	<b>977.201.328.732</b>	<b>853.954.229.550</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 16 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Đức Trung

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>2.317.731.702</b>	<b>1.380.166.322</b>		<b>2.317.731.702</b>	<b>1.380.166.322</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Công ty TNHH Kahutech Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	821.662.685	410.831.343	Từ 1 năm đến 2 năm	821.662.685	410.831.343
Công ty TNHH Phát triển Điện lạnh Minh Anh	Từ 1 năm đến 2 năm	1.053.468.075	526.734.038	Từ 1 năm đến 2 năm	1.053.468.075	526.734.038
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>2.649.307.425</b>	<b>2.649.307.425</b>		<b>2.649.307.425</b>	<b>2.649.307.425</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co., ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539
<b>Cộng</b>		<b>4.967.039.127</b>	<b>4.029.473.747</b>		<b>4.967.039.127</b>	<b>4.029.473.747</b>

